

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GDĐT TX BẾN CÁT
TRƯỜNG MN PHÚ AN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

ST T	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ được theo dõi tình trạng sức khỏe- Giảm tỷ lệ SDD dưới 5% ở trẻ nhẹ cân, thể thấp còi, hạn chế tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì.- Trẻ phát triển khỏe mạnh, phát triển các nhóm cơ vận động, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối.- Khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ được theo dõi tình trạng sức khỏe- Giảm tỷ lệ SDD dưới 5% ở trẻ nhẹ cân, thể thấp còi, hạn chế tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì.- Trẻ phát triển khỏe mạnh, phát triển các nhóm cơ vận động, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối.- Khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục mầm non mới theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT	- Chương trình giáo dục mầm non mới theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none">- Thể hiện ý thức về bản thân- Thể hiện sự tự tin, tự lực, khả năng tự phục vụ, hành vi văn minh trong giao tiếp, ăn uống... có thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh- Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội, quan tâm đến môi trường- Phát triển nhận thức, kỹ năng sống, ngôn ngữ của trẻ- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống	<ul style="list-style-type: none">- Thể hiện ý thức về bản thân- Thể hiện sự tự tin, tự lực, khả năng tự phục vụ, hành vi văn minh trong giao tiếp, ăn uống... có thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh- Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội, quan tâm đến môi trường- Phát triển nhận thức, kỹ năng sống, ngôn ngữ của trẻ- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc

		và tác phẩm nghệ thuật và thể hiện sự sáng tạo qua cách tham gia các hoạt động nghệ thuật.	sống và tác phẩm nghệ thuật và thể hiện sự sáng tạo qua cách tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trường lớp “ xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện”. - Có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học đồ chơi phù hợp từng lứa tuổi. - Có đầy đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ. - Đồ chơi ngoài trời đa dạng, phù hợp với lứa tuổi 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trường lớp “ xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện”. - Có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học đồ chơi phù hợp từng lứa tuổi. - Có đầy đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ. - Đồ chơi ngoài trời đa dạng, phù hợp với lứa tuổi

Phú An, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GDĐT TX BẾN CÁT
TRƯỜNG MN PHÚ AN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 - 2023

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	357	0	0	20	35	80	222
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	357	0	0	20	35	80	222
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	357	0	0	20	35	80	222
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	357	0	0	20	35	80	222
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	357	0	0	20	35	80	222
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	357	0	0	20	35	80	222
1	Số trẻ cân nặng bình thường		0	0	0			
2	Số trẻ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		0	0	0			
3	Số trẻ có chiều cao bình thường		0	0	0			
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		0	0	0			
5	Số trẻ thừa cân béo phì		0	0	0			
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	357	0	0	20	35	80	222
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	20	0	0	20	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	337	0	0		35	80	222

Phú An, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GDĐT TX BẾN CÁT
TRƯỜNG MN PHÚ AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	5	-
2	Phòng học bán kiên cố	4	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.421,5	9,58
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.898	5,3
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1158.44	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	716,4	2,0
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	93,8	0,26
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	227,4	0,64
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70,84	0.2
5	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	31/1	Số bộ/ sân chơi (trường)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	31	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	9/9	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	9/9	
3	Máy phô tô	2/9	
4	Đầu Video/đầu đĩa	0	
5	Bàn ghế đúng quy cách	189/9	
6	Thùng loa	1/9	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	35,65		93.8		0.26
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về ban hành Điều lệ trường mầm non và Thông tư 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	
..	...		

Phú An, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GDĐT TX BẾN CÁT
TRƯỜNG MN PHÚ AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	14	16	0	1	9	1	5	14	
I	Giáo viên	12	10	2	0	0	7	1	4	0	
1	Nhà trẻ	1	1	0	0	0	1	0	0	0	
2	Mẫu giáo	11	9	2	0	0	6	1	4	0	
II	Cán bộ quản lý	3	3	0	0	1	2	0	0	0	
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	0	0	0	
III	Nhân viên	15	1	14	0	0	0	0	1	14	
1	Nhân viên văn thư	1	0	1	0	0	0	0	0	1	
2	Nhân viên kế toán	1	1	0	0	0	0	0	1	0	
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Nhân viên khác	9	0	9	0	0	0	0	0	9	
6	Bảo mẫu	4		4						4	

Phú An, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG